

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VITACONS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VITACONS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITACONS INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VITACONS .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108204249

3. Ngày thành lập: 29/03/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 2, tòa nhà Detech, số 8 Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp Chi tiết: Khai thác, nuôi trồng thủy sản Khai thác thủy sản	0240
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Phá dỡ	4311
6.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước - Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí	4322
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
8.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thịt - Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt khác	1010
9.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
11.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Loại trừ: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác	4662
13.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Khai thác đá - Khai thác cát, sỏi - Khai thác đất sét	0810
14.	Khai thác muối	0893
15.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
20.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669

23.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh -	4773
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Loại trừ: hoạt động phục vụ đồ uống cho khách tiêu dung tại chỗ tại các quán bar	5630
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

30.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ - Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: - Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít - Sản xuất mực in	2022
36.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
37.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
38.	Xây dựng công trình công ích	4220
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại - Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
42.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ: Đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
44.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
45.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
46.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý - Môi giới	4610
47.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
48.	Khai thác và thu gom than non	0520
49.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
54.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
55.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
56.	Cơ sở lưu trú khác	5590
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu Chi tiết: - Trồng cây gia vị - Trồng cây dược liệu	0128
59.	Trồng cây lâu năm khác	0129
60.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
61.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: - Ươm giống cây lâm nghiệp - Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ - Trồng rừng và chăm sóc rừng tre, nứa - Trồng rừng và chăm sóc rừng khác	0210
62.	Khai thác thủy sản biển	0311
63.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

64.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp thủy sản Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh Chế biến và bảo quản thủy sản khô	1020
65.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
66.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Bao gồm: Gieo trồng kết hợp với chăn nuôi gia súc như hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trong các đơn vị trồng trọt mà không có hoạt động nào chiếm hơn 66% giá trị sản xuất của đơn vị.	0150
67.	Khai thác gỗ	0221
68.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
69.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
70.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
71.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
72.	Sản xuất giống thủy sản	0323

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN DUY THÀNH	Thôn 7, Xã Tế Nông, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	038085008688	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		
2	ĐINH THỊ CHÍNH	thôn 4, Xã Hà Yên, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	247.500	2.475.000.000	25,000	172392047	
			Tổng số	247.500	2.475.000.000	25,000		
3	NGUYỄN VĂN TỈNH	Thôn 7, Xã Tế Nông, Huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	495.000	4.950.000.000	50,000	038084010663	
			Tổng số	495.000	4.950.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 172392047

Ngày cấp: 27/08/2013 Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 4, Xã Hà Yên, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Phòng 304 nhà K11 B, Khu tập thể Đại học Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội